ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ QUỲNH PHỤ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 38/KH-UBND	*Quỳnh Phụ, ngày 02 tháng 10 năm 2025*

KẾ HOẠCH
Thực hiện nhiệm vụ ứng dụng Công nghệ thông tin, Chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025 - 2026

Thực hiện công văn số 1180/SGDĐT-VP ngày 29/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CĐS) và thống kê giáo dục năm học 2025 - 2026; Kế hoạch số 22/KH- UBND ngày 22/8/2025 của UBND xã Quỳnh Phụ về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Quỳnh Phụ; UBND xã ban hành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng Công nghệ thông tin, Chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025 - 2026, nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục của UBND xã thông qua việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và công tác thống kê.

Các cơ sở giáo dục đổi mới phương thức quản lý, dạy và học; tạo môi trường học tập số, từng bước hình thành công dân số cho học sinh Tiểu học, Trung học cơ sở.

Đảm bảo số liệu thống kê giáo dục chính xác, phục vụ kịp thời công tác chỉ đạo, điều hành đối với lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo quy định.

2. Yêu cầu

Thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân xã.

Phân công trách nhiệm cụ thể, gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ sở giáo dục với kết quả CNTT, chuyển đổi số.

Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, phụ huynh, trong triển khai chuyển đổi số giáo dục.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHUNG

1. Tham mưu, triển khai đầy đủ các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 phù hợp với điều kiện thực tế của Giáo dục và Đào tạo tại địa phương theo Kế hoạch số 719/KH-SGDĐT ngày 28/8/2025 về thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2025 và Kế hoạch số 1005/KH-SGDĐT ngày 18/9/2025 về thực hiện Chương trình phát triển khoa học, công

nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên giai đoạn 2025-2030 tầm nhìn đến năm 2045.

2. Đẩy nhanh tiến độ triển khai và tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030" tại địa phương[1] và phương hướng, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

3. Đảm bảo về cơ sở vật chất, hạ tầng số, trang thiết bị, đường truyền để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số GDĐT tại địa phương.

4. Tiếp tục triển khai, hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành giáo dục kết nối, liên thông từ Trung ương đến các địa phương và với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; xây dựng cơ sở dữ liệu học bạ số, văn bằng số; đẩy mạnh chia sẻ dữ liệu phục vụ hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

5. Tăng cường ứng dụng các nền tảng, phần mềm trong quản trị nhà trường, dạy, học, kiểm tra, đánh giá theo hướng dùng chung (nền tảng và học liệu), tích hợp công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI).

6. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, thanh toán không dùng tiền mặt.

7. Triển khai ứng dụng AI có trách nhiệm trong hoạt động dạy, học, quản lý giáo dục; thường xuyên nâng cao năng lực số cho người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và đảm bảo an toàn môi trường học tập số.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Chuyển đổi số trong dạy, học và kiểm tra, đánh giá

Tiếp tục thực hiện Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về quản lý, tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên; khai thác tối đa lợi ích của phần mềm quản lý học tập (LMS) trong hoạt động dạy học trực tuyến, theo dõi và phân tích quá trình học tập của người học; đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học.

Nghiên cứu, triển khai áp dụng các mô hình dạy, học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng kết hợp, tăng tương tác, trải nghiệm phù hợp với điều kiện, nhu cầu thực tế *(lớp học thông minh, học tương tác, tự học với trợ lý ảo)*.

Triển khai ứng dụng AI có trách nhiệm, có lộ trình phù hợp từng cấp học, từng nhóm đối tượng với quan điểm lấy người học làm trung tâm, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là lực lượng tiên phong; đội ngũ nhà giáo phải thường xuyên cập

---

[1] Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030".

nhật, đổi mới phương pháp dạy, học; kiểm tra, đánh giá để thích ứng với bối cảnh chuyển đổi AI trong giáo dục.

Tích cực, chủ động xây dựng học liệu số dùng chung phục vụ công tác giảng dạy, học tập và kiểm tra, đánh giá.

Đẩy mạnh đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến; thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính tại những nơi có nhu cầu và đảm bảo điều kiện tổ chức thực hiện.

Tham gia tập huấn, bồi dưỡng *(theo hình thức kết hợp trực tuyến và trực tiếp)* nâng cao năng lực số, năng lực AI cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người học; ưu tiên các nội dung gắn với thực tế công việc như kỹ năng ứng dụng CNTT trong quản lý nhà nước, quản trị nhà trường; dạy học, xây dựng học liệu số, tổ chức dạy học trực tuyến, ứng dụng AI tổ chức hoạt động giáo dục.

Tiếp tục triển khai hiệu quả hệ thống thư viện điện *tử (phần mềm và cơ sở dữ liệu số hóa sách)*, kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số trong nhà trường.

2. Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về giáo dục, quản trị cơ sở giáo dục và xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục

a) Triển khai phần mềm quản trị nhà trường kết nối thông suốt với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; đảm bảo 100% người học, nhà giáo được định danh thống nhất và quản lý bằng hồ sơ số, 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác được quản lý bằng hồ sơ số; từng bước ứng dụng AI phân tích dữ liệu, hỗ trợ công tác quản trị nhà trường.

b) Tiếp tục triển khai thực hiện học bạ số, văn bằng số theo kế hoạch và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Hoàn thiện, tăng cường kiểm soát chất lượng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung triển khai một số nhiệm vụ như sau:

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia đảm bảo "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung"; từng bước tích hợp AI trong hệ thống thông tin quản lý điều hành, phân tích dữ liệu.

- Tổ chức cập nhật dữ liệu trên các hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ngành giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của Bộ GDĐT, Sở GD&ĐT.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đối với giáo dục mầm non, phổ thông cấp Trường về Sở GDĐT *(kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học)* đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác nội dung theo quy định về chế độ báo cáo

thống kê ngành Giáo dục[2], quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT[3] và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ GDĐT, Sở GD&ĐT; tăng cường ứng dụng công cụ phân tích dữ liệu thông minh để hỗ trợ quản lý, đánh giá và dự báo xu hướng giáo dục, tự động hóa quy trình báo cáo thống kê, giảm thiểu thao tác thủ công và tăng cường tính kịp thời của dữ liệu.

3. Đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục

a) Dịch vụ đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông trực tuyến;

b) Dịch vụ trực tuyến về đăng ký, xét tuyển học sinh đầu các cấp học; dịch vụ công nhận văn bằng ở mức độ toàn trình và các dịch vụ khác theo phân cấp.

c) Thực hiện thanh toán học phí, các khoản thu bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; kết nối phần mềm quản lý học phí, quản lý các khoản thu của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong đó có nền tảng thanh toán trực tuyến cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN

1. Kiện toàn tổ chức, bộ phận phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục:

Phòng Văn hóa - Xã hội: Phân công lãnh đạo và chuyên viên làm đầu mối theo dõi triển khai nhiệm vụ CNTT, CĐS và công tác thống kê giáo dục.

Đối với các trường học: Phân công lãnh đạo phụ trách và viên chức CNTT hoặc giáo viên kiêm nhiệm làm đầu mối triển khai nhiệm vụ CNTT, CĐS và công tác thống kê giáo dục.

2. Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non theo các văn bản của Bộ GDĐT phù hợp với thực tế tại địa phương.

Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn đơn vị trường học tự đánh giá, tổ chức đánh giá ngoài và công bố kết quả đánh giá các đơn vị trường học.

3. Tăng cường công tác thể chế

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị chủ trì quản lý hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu giáo dục, lưu ý việc tăng cường rà soát và hoàn thiện quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu theo quy định; đảm bảo tuân thủ các quy định nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân[4] [5], quy định về sở hữu dữ liệu; thường xuyên phổ biến,

---

[2] Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục; Thông tư số 25/2024/TT-BGDĐT ngày 25/12/2024 ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.

[3] Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2020 quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT

[4] Quyết định số 3806/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với sở GDĐT; Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non.

quán triệt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục; ban hành các hướng dẫn, quy chế sử dụng AI có đạo đức, trách nhiệm, bảo đảm quyền riêng tư trong hoạt động giáo dục *(một số văn bản tại Phụ lục kèm theo công văn này)*.

4. Đảm bảo nguồn lực và hạ tầng kỹ thuật

Rà soát và tham mưu các cấp chính quyền bố trí đủ nguồn lực bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục; đảm bảo kết nối Internet trong các cơ sở giáo dục.

Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống công nghệ thông tin; thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn an ninh thông tin; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục.

Tham mưu tuyển dụng giáo viên dạy tin học và phụ trách CNTT cho cấp tiểu học và mầm non.

5. Nâng cao nhận thức, phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trong giáo dục

Tiếp tục triển khai công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý giáo dục, đội ngũ nhà giáo, nhân viên, người học về vai trò, vị trí của ứng dụng CNTT, CĐS trong các hoạt động giáo dục; phổ biến và tuyên truyền về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn; trang bị các phần mềm ứng dụng, phần mềm phòng chống virus có bản quyền.

Triển khai hiệu quả Phong trào thi đua "Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số" và Phong trào "Bình dân học vụ số" của ngành Giáo dục[8]; triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia vào ngày 10 tháng 10 hàng năm.

6. Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê trong giáo dục.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra thực hiện nhiệm vụ năm học tại đơn vị, trường học trong đó có nội dung thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CĐS và công tác thống kê trong giáo dục *(có thể lồng ghép chung vào kế hoạch kiểm tra hàng năm hoặc tổ chức đánh giá vào cuối năm học)*.

Các đơn vị, trường học xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ cần xác định rõ nội dung kiểm tra, giám sát các bộ phận thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CĐS ... đảm bảo bám sát tiến độ công việc của ngành, của đơn vị.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội: tham mưu xây dựng Kế hoạch, triển khai đến các trường học và đơn vị liên quan.

---

[5] Luật số 91/2025/QH15 ngày 26/6/2025 về bảo vệ dữ liệu cá nhân và các văn bản liên quan. [8] Kế hoạch số 953/KH-BGDĐT ngày 10/7/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức sơ kết đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT và CĐS sau khi kết thúc học kỳ 1 năm học 2025-2026 và gửi về Sở GDĐT trước ngày 25/01/2026.

Tổ chức tổng kết và báo cáo kết quả triển khai nhiệm vụ CNTT và CĐS và thống kê giáo dục năm học 2025-2026 *(bao gồm kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý)* gửi Sở GDĐT *(qua Văn phòng để tổng hợp)* trước ngày 25/6/2026.

2. Phòng Kinh tế

Tham mưu UBND xã bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch theo Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Hướng dẫn các đơn vị trường học lập dự toán, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số theo quy định.

3. Các trường học trong xã

- Căn cứ vào các nhiệm vụ theo kế hoạch này và tình hình cụ thể của đơn vị chủ động phối hợp và đưa các nội dung, nhiệm vụ về ứng dụng CNTT và CĐS gắn với chức năng nhiệm vụ của công tác giảng dạy của đơn vị để xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, gửi báo cáo về UBND xã *(qua Phòng Văn hóa - Xã hội)* để theo dõi, tổng hợp. ***Học kỳ I: báo cáo ngày 19/01/2026. Học kỳ II: báo cáo ngày 18/5/2026.***

- Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kế hoạch đã xây dựng, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất *(khi có yêu cầu)* về UBND xã tình hình thực hiện theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng Công nghệ thông tin, Chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025 – 2026. UBND xã yêu cầu các phòng, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện đảm bảo thiết thực, hiệu quả./.

Nơi nhận:
- Sở Giáo dục và ĐT tỉnh;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Như kính gửi;
- Lưu: VT, PVHXH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Thị Nhẫn

PHỤ LỤC
MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

1. Luật số 60/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về Luật Dữ liệu.

2. Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu.

3.Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

4.Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

5. Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

6. Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

7.Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

8. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

9. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

10. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 ".

11. Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 ".

12. Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 quy định về sử dụng phần mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở giáo dục.

13. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục.

14. Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

15. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

16. Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo.

17. Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 ban hành Hệ thống chỉ tiêu thông kê ngành giáo dục.

18. Thông tư số 24/2023/TT-BDĐT ngày 11/12/2023 quy định về đánh giá, công nhân "Đơn vị học tập" cấp huyện, tỉnh.

19. Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27/12/2023 ban hành quy định về đánh giá, công nhận "Cộng đồng học tập" cấp xã, huyện, tỉnh.

20, Thông tư số 25/2024/TT-BGDĐT ngày,25/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.

21. Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 quy định Khung năng lực số cho người học.

22. Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông; (Điều 10 điều chỉnh thẩm quyền cho Thông tư số 09 /2021/TT-BGDĐT).

23. Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục (điều chỉnh thẩm quyền cho UBND xã các Thông tư 37/2020/TT-BGDĐT; 42/2021/TT- BGDĐT; 21/2017/TT-BGDĐT; 35/2017/TT-BGDĐT; 25 /2024/TT-BGDĐT).

24. Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

25. Văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong trường phổ thông.

36. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

27. Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh 2 giá mức độ chuyển đổi số trong giáo dục mầm non.

28. Quyết định số 3806/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số Sở GDĐT, Phòng GDĐT.

29. Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030 ".

30. Quyết định số 3315/QĐ-TTg ngày 09/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai phong trào "Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030 ".

31. Quyết định số 1638/QĐ-BGDĐT ngày 18/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình phổ cập kỹ năng số dành cho Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước; Người lao động trong các doanh nghiệp; Người dân.

32. Quyết định số 1645/QĐ-BGDĐT ngày 20/6/2025 ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và Danh mục dữ liệu mở của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

33. Văn bản số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.

34. Quyết định số 2207/QĐ-BGDĐT ngày 01/8/2025 ban hành Quy định kĩ thuật về dữ liệu tuyển sinh đầu cấp giáo dục phổ thông.

35. Công văn số 5835/BGDĐT-KHCNTT ngày 23/9/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CĐS và thống kê giáo dục năm học 2025 - 2026.

36. Kế hoạch hành động số 433-KH/TU ngày 11/6/2025 của Ban Thương vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

37. Kế hoạch số 102/KH -UBND ngày 19/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

38. Thông báo kết luận số 04-TB/BCĐ ngày 14/7/2025 kết luận của đồng chí Nguyễn Hữu Nghĩa, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Ban chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh.

39. Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh Hưng

Yên về việc Phê duyệt danh mục nhiệm vụ thực hiện Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên năm 2025 ,

40. Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của UBND , tỉnh Hưng Yên về việc Ban hành Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045 ,

41. Kế hoạch 719/KH-SGDĐT ngày 28/8/2025 của Sở GDĐT về Thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2025 ,

42. Kế hoạch 1005/KH-SGDĐT ngày 17/9/2025 của Sở GDĐT về Thực hiện Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045.
